



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN.....:2021/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH LẮP ĐẶT
TRÊN TÀU CÁ**

National technical regulation on fishing vessel tracking devices

HÀ NỘI - 2021

Lời nói đầu

QCVN.....:2021/BNNPTNT do Tổng cục Thủy sản biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Thông tư số/2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH LẮP ĐẶT TRÊN TÀU CÁ
National technical regulation on fishing vessel tracking devices

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị giám sát hành trình truyền dữ liệu qua vệ tinh lắp trên tàu cá thuộc đối tượng theo quy định của Chính phủ.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, chứng nhận, thử nghiệm chất lượng, quản lý và khai thác sử dụng thiết bị giám sát hành trình sử dụng sóng vệ tinh lắp trên tàu cá.

1.3. Tài liệu viện dẫn

- Luật Thủy sản 2017 số 18/2017 / QH14
- Nghị định số 26/2019 / ND-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản
- QCVN 31: 2014 / BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình xe ô tô
- QCVN 18: 2014 / BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện
- QCVN 47: 2015 / BTTTT về tần số vô tuyến điện và phổ bức xạ áp dụng cho máy thu phát vô tuyến điện
- Tiêu chuẩn TCVN 7326-1: 2003 về công nghệ thông tin - thiết bị an toàn
- TCVN 4255: 2008 Mức độ bảo vệ do vỏ bọc cung cấp (Mã IP)
- QCVN 02-21: 2015 / BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trang thiết bị an toàn của tàu cá
- QCVN 119: 2019 / BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải.

1.4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1. Hệ thống giám sát tàu cá là hệ thống được tích hợp bởi thiết bị lắp đặt

trên tàu cá kết nối với trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá để quản lý, giám sát hành trình, hoạt động của tàu cá trên các vùng biển.

1.4.2. Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá (sau đây gọi tắt là TBGSHT) là thiết bị đầu cuối để nhận, lưu trữ và truyền phát các thông tin liên quan đến quá trình hoạt động của tàu cá; được kích hoạt, cài đặt để truyền bản tin GSHT về Trung tâm dữ liệu hệ thống giám sát tàu cá.

1.4.3. Trung tâm dữ liệu hệ thống giám sát tàu cá: bao gồm Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị và trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá trung ương, được thiết lập trên bờ, có chức năng nhận bản tin từ TBGSHT từ tàu cá; truy vấn báo cáo tình hình tàu cá theo khu vực, theo nghề, theo tỉnh... và cung cấp thông tin thời tiết, ngư trường cho tàu cá.

1.4.4. Bản tin GSHT: là thông tin được phát ra từ TBGSHT, bao gồm tối thiểu các thông tin cơ bản sau: số đăng ký tàu cá, mã nhận dạng thiết bị, vị trí (kinh độ, vĩ độ), tốc độ, thời gian.

1.4.5. Dữ liệu TBGSHT: Là dữ liệu được xử lý và cung cấp bởi trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá bao gồm các thông tin cơ bản: Số đăng ký tàu cá, mã nhận dạng thiết bị, kích thước tàu (chiều dài, chiều rộng), vị trí (kinh độ, vĩ độ) theo thời gian thực, vận tốc tàu.

1.4.6. Nhà cung cấp TBGSHT: là đơn vị cung cấp, lắp đặt TBGSHT phù hợp với Quy chuẩn này.

1.4.7. Nhà cung cấp dịch vụ giám sát hành trình trên tàu cá: là đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ di động vệ tinh phục vụ cho việc truyền tải bản tin TBGSHT cho tàu cá.

1.4.8. Người sử dụng TBGSHT: là tổ chức, cá nhân trong nước có tàu cá bắt buộc lắp TBGSHT khi hoạt động trên các vùng biển Việt Nam và quốc tế. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu cá hoạt động trên các vùng biển Việt Nam.

1.4.9. Hệ thống vệ tinh truyền dữ liệu: là các hệ thống truyền dữ liệu thông qua vệ tinh có cung cấp dịch vụ truyền dữ. Hệ thống này bao gồm nhưng không giới hạn các hệ thống như Thuraya, Inmarsat, Iridium...

1.5 Từ viết tắt

TT	Từ viết tắt	Ý nghĩa
1	GNSS	<i>Hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu</i>
2	GPS	<i>Hệ thống định vị toàn cầu</i>
3	IP	<i>Cấp độ bảo vệ chống bụi và nước</i>
4	LED	<i>Đèn phát quang</i>
5	GMT	<i>Giờ chuẩn Greenwich</i>
6	MODULE	<i>Đơn vị cấu thành</i>
7	GSHT	<i>Giám sát hành trình</i>
8	TBGSHT	<i>Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá</i>
9	IP66	<i>Bảo vệ chống bụi, ngăn hoàn toàn bụi xâm nhập Bảo vệ chống nước phun từ vòi với cường độ mạnh theo mọi hướng</i>
10	IP67	<i>Bảo vệ chống bụi, ngăn hoàn toàn bụi xâm nhập Bảo vệ chống nước xâm nhập khi ngâm trong nước với độ sâu từ 15cm đến 1m trong vòng 30 phút</i>
11	TCTS	<i>Tổng cục thủy sản</i>

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định phần cứng

2.1.1. Kết cấu

TBGSHT phải:

- Có vỏ hộp, dây dẫn, công kết nối, phụ kiện đi kèm phải được làm bằng vật liệu chắc chắn phù hợp với điều kiện hoạt động trên biển. Đối với các công kết nối ra bên ngoài phải có nắp đậy đảm bảo kín nước theo tiêu chuẩn IP 67. Ưu tiên các công kết nối sử dụng phương thức kết nối không dây.

- Yêu cầu đối với thử nghiệm môi trường:

a. Điều kiện hoạt động trong môi trường biển thử theo mức khắc nghiệt 3 theo TCVN 7699-2-52:2007. Thiết bị sau khi thử nghiệm được đánh giá ngoại quan phải không có ăn mòn hay hư hỏng ở các phần kim loại, các phần bề mặt, vật liệu hoặc các phần bộ phận nhìn thấy bằng mắt thường. Thiết bị phải đáp ứng được các yêu cầu của phép kiểm tra đặc tính.

b. Điều kiện hoạt động trong môi trường nhiệt ẩm hỗn hợp theo TCVN 7699 -2-38: 2007. Thiết bị phải đáp ứng được các yêu cầu của phép kiểm tra đặc tính.

c. Điều kiện hoạt động trong môi trường rung theo tiêu chuẩn TCVN 7699 -2-6: 2009. Thiết bị phải đáp ứng được các yêu cầu của phép kiểm tra đặc tính.

d. Yêu cầu đối với thử rơi theo tiêu chuẩn TCN 68 – 293 : 2006 mục 7.4. Thiết bị phải đáp ứng được các yêu cầu của phép kiểm tra đặc tính.

e. Thiết bị đặt trong cabin tàu cá tối thiểu đạt IP 66, ăng ten và các cấu phần của thiết bị đặt bên ngoài tối thiểu đạt IP 67. Phương pháp thử theo TCVN 4255:2008 (IEC 60529 : 2001) về Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP).

- Tích hợp bộ nhớ lưu trữ các dữ liệu hải trình theo quy định.

- Có Module truyền dữ liệu qua vệ tinh.

- Có module định vị vị trí thông qua vệ tinh GNSS (hoặc bộ thu GPS) với sai số tối đa là 500 m.

- Có bộ phận thông báo về tình trạng hoạt động bằng màn hình hoặc LED trạng thái. Các trạng thái phải thông báo được gồm có: nguồn chính, nguồn phụ (pin dự phòng) tình trạng định vị vị trí, tình trạng kết nối vệ tinh, tình trạng hoạt động bình thường hay có lỗi của thiết bị. Phải có tem hướng dẫn phân biệt các trạng thái này.

- Có tối thiểu một nút bấm khẩn cấp ở vị trí dễ thao tác. Kết cấu của nút bấm phải có bảo vệ để tránh khả năng bấm nhầm.

- Có bộ nhớ đảm bảo dung lượng để lưu giữ các dữ liệu bản tin GSHT quy định tại mục 2.2.3 của Quy chuẩn này.

- Có cổng trích xuất dữ liệu để đọc thông tin từ bộ nhớ của thiết bị. Nhà cung cấp TBGSHT có trách nhiệm bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho TCTS. Mở rộng cho phép thêm các kiểu truy xuất khác qua giao tiếp không dây như Bluetooth, Wifi.

- Đảm bảo không làm mất hay thay đổi dữ liệu đã được ghi, lưu trữ tại thiết bị giám sát hành trình.

2.1.2. Pin

Thiết bị phải trang bị pin dự phòng với dung lượng đảm bảo cho thiết bị hoạt động liên tục trong vòng ít nhất 24 giờ kể từ khi mất nguồn chính.

2.2. Quy định phần mềm

2.2.1. Nội dung bản tin GSHT

Bản tin định kỳ được thu thập, lưu trữ và truyền phát bởi thiết bị gồm tối thiểu những dữ liệu sau:

- Số đăng ký tàu cá.
- Mã nhận dạng thiết bị.
- Tọa độ của tàu bao gồm kinh độ, vĩ độ.
- Vận tốc của tàu.
- Thời gian bao gồm giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm (được hiệu chỉnh thành giờ Việt Nam GMT+7).
- Trạng thái của thiết bị:
 - Đang sử dụng nguồn điện chính: Mã 0.
 - Đang sử dụng nguồn điện dự phòng: Mã 1.
 - Không thu được vị trí từ bộ thu GPS: Mã 2.
 - Không kết nối được module truyền dữ liệu qua vệ tinh: Mã 3.
 - Vi phạm vùng cấm: Mã 4.
 - Khẩn cấp: Mã 5.

2.2.2. Bản tin khẩn cấp

- Là bản tin được phát ra từ TBGSHT khi nút bấm khẩn cấp được bấm.
- Nội dung của bản tin khẩn cấp bao gồm các thông tin như bản tin định kỳ và cảnh báo Mã 5.

2.2.3. Tần suất gửi bản tin GSHT

TBGSHT phải đảm bảo:

- Gửi bản tin GHST định kỳ 2 giờ/lần đối với thiết bị lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên và 3 giờ/lần đối với thiết bị lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét. Có khả năng thay đổi từ xa tần suất gửi bản tin. Tần suất đáp ứng tối thiểu là 15 phút/bản tin.

- Từng bản tin gửi về phải theo trình tự, theo thời gian thực. Không gộp nhiều dữ liệu vị trí vào một bản tin, trừ bản tin gửi lại hải trình cũ.

2.2.4. Thời gian lưu và truyền dữ liệu

2.2.4.1 Dữ liệu bản tin định kỳ của TBGSHT truyền đi phải đồng nhất với dữ liệu lưu trong bộ nhớ của thiết bị. Khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị phải có những bản tin thiết

bị đã truyền đến Trung tâm dữ liệu GSHT.

2.2.4.2 Trong trường hợp thiết bị kết nối được với vệ tinh GNSS mà không kết nối được với vệ tinh truyền tín hiệu (Thuraya, Inmarsat, Iridium), thì TBGSHT phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Lưu dữ liệu trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi thiết bị không kết nối được với vệ tinh truyền tín hiệu.

- Gửi lại toàn bộ dữ liệu đã lưu về Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá ngay khi thiết bị kết nối lại được với vệ tinh truyền tín hiệu.

- Bản tin truyền về phải theo trình tự về thời gian, từ bản tin cũ nhất đến bản tin mới nhất. Bản tin dữ liệu hiện tại được truyền song song với bản tin dữ liệu cũ.

- Thời gian lưu trữ: 1 tháng gần nhất đối với dữ liệu mất sóng chưa gửi được, 6 tháng với dữ liệu lưu nội tại trong bộ nhớ thiết bị. Trường hợp TBGSHT mất kết nối máy chủ thời gian dài, chỉ gửi lại 1 tháng gần nhất khi có sóng.

2.2.4.3 TBGSHT có khả năng ghi nhận và lưu vào bộ nhớ nội dung các thông tin tối thiểu ở mục 2.2.1 trong vòng 6 tháng gần nhất, đảm bảo tối thiểu 15 phút ghi nhận 01 lần. Thông tin đảm bảo không bị thay đổi, mất trong quá trình hoạt động.

2.2.5. Tính năng cảnh báo

TBGSHT phải đảm bảo: có khả năng cảnh báo sớm tình trạng vùng cấm khai thác, vượt qua ranh giới cho phép trên biển sớm tối thiểu 1 hải lý bằng đèn và âm thanh. Thiết bị chỉ dừng cảnh báo khi tàu rời khỏi vùng cấm khai thác.

- Đèn cảnh báo được thiết kế dễ thấy, phát tín hiệu màu đỏ với tần suất nhấp nháy tối thiểu 1 lần/ giây.
- Cảnh báo bằng âm thanh phải phát ra mức áp suất âm thanh không nhỏ hơn 85 dB, theo một hướng ở khoảng cách 1 m. Đối với các thông báo yêu cầu phải có hành động ngay lập tức, tín hiệu cảnh báo và trình tự thông báo do thiết bị phát âm thanh ra phải ở trong các giới hạn sau:
 - a. Tín hiệu cảnh báo, kéo dài từ 2 s đến 10 s, theo sau là
 - b. Khoảng lặng, kéo dài từ 0,25 s đến 2 s, theo sau là
 - c. Thông báo bằng tiếng nói, theo sau là
 - d. Khoảng lặng, kéo dài từ 0,25 s đến 5 s.
 - e. Thời gian cho mỗi chu kỳ không được vượt quá 30 s.

2.2.6. Khả năng đồng bộ dữ liệu

- TBGSHT phải có khả năng lưu trữ và đồng bộ các dữ liệu về vùng khai thác bao gồm: các đường biên giới tiếp giáp giữa các vùng biển, khu vực cấm khai thác, các vùng biển theo Luật Thủy sản và các dữ liệu liên quan đến bản đồ khác (nếu có). TBGSHT phải có khả năng đồng bộ các dữ liệu về vùng khai thác từ xa hoặc sử dụng

công cụ hỗ trợ để đồng bộ dữ liệu vào thiết bị. Dữ liệu trên phải được cập nhập vào thiết bị trong khoảng thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ lần thay đổi gần nhất.

- TBGSHT phải có khả năng đồng bộ thời gian từ GNSS / GPS.

2.3. Tính an toàn của dữ liệu

Dữ liệu TBGSHT phải đảm bảo:

- Bản tin truyền dẫn từ thiết bị đến kênh truyền vệ tinh phải được mã hóa. Kết nối từ nhà cung cấp TBGSHT đến nhà cung cấp dịch vụ truyền dữ liệu qua vệ tinh phải có kênh truyền bảo mật. Kết nối từ nhà cung cấp TBGSHT đến Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá phải trên đường truyền bảo mật.

- Nhà cung cấp TBGSHT phải kết nối truyền dữ liệu đến Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá, có cơ chế cảnh báo, giám sát đường truyền và có khả năng truyền lại dữ liệu cũ trong thời gian mất kết nối đến Trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá.

2.4. Nguồn điện sử dụng

Nguồn điện sử dụng tối thiểu hoặc đồng thời: điện ắc quy trên tàu hoặc sử dụng năng lượng mặt trời.

Mức điện áp sử dụng của thiết bị phải phù hợp với mức điện áp danh định của tàu cá và có khả năng chịu cấm ngược cực theo quy định tại Bảng 1 của Quy chuẩn này.

Bảng 1. Điện áp danh định và điện áp thử nghiệm của TBGSHT

Điện áp danh định (V)	Điện áp thử nghiệm cấm ngược cực (V)
12	14 ± 0,1
24	28 ± 0,2
36	42 ± 0,2

2.5. Tương thích điện từ và an toàn điện

Đảm bảo nguồn điện của TBGSHT không gây ảnh hưởng, gây nhiễu cho các thiết bị khác trên tàu. Và ngược lại, khi thiết bị giám sát hành trình được lắp đặt và hoạt động trên tàu cũng không bị ảnh hưởng, bị nhiễu bởi các thiết bị khác trên tàu. TBGSHT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn tương thích điện từ: EN 55014-1:2017; EN 55014-2:2015.

- TBGSHT lắp đặt trên tàu cá phải được lấy điện theo từng đường dây riêng từ một bảng điện (tủ điện) chung của các thiết bị hàng hải.

2.6. Quy định về lắp đặt TBGSHT

- Việc lắp đặt TBGSHT trên tàu phải đảm bảo chắc chắn, có niêm phong sau

khi lắp đặt để đảm bảo thiết bị không được di chuyển khỏi vị trí lắp đặt. Vị trí thoáng, không ảnh hưởng đến các sóng truyền và thu nhận dữ liệu.

- Thiết bị chỉ được tháo rời khỏi tàu khi thay thế, sửa chữa, bảo hành. Sau khi mở / tháo lắp thiết bị phải được niêm phong lại.

- Vị trí lắp đặt của ăng ten luôn nhìn được vệ tinh bằng mọi hướng, tầm nhìn không bị che khuất bởi các thiết bị khác.

- Không lắp đặt ăng-ten gần với ăng-ten radar hoặc các ăng-ten phát xạ khác; nơi động nước; gần ống xả của máy tàu; gần dàn đèn cao áp; khu vực dễ bị tác động của nhân tố con người trong quá trình hoạt động.

3. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

3.1. Quản lý, chứng nhận sản phẩm

3.1.1. Sản phẩm TBGSHT trước khi lưu thông trên thị trường phải thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN), Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 và phải ghi nhãn hàng hóa theo quy định.

3.1.1.1. Đối với sản phẩm TBGSHT sản xuất, lắp ráp trong nước: thực hiện đánh giá sự phù hợp theo phương thức 5 quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

3.1.1.2. Đối với sản phẩm TBGSHT nhập khẩu: thực hiện đánh giá sự phù hợp theo phương thức 7 quy định trong Phụ lục II của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/BKHCN và thông tư số 06/2020/TT-BKHCN. Số lượng mẫu thử cho một model không được ít hơn 10% số lượng nhập khẩu.

3.1.2. Công bố hợp quy

3.1.2.1. Sản phẩm TBGSHT công bố hợp quy phải dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

3.1.2.2. TCTS là cơ quan chuyên ngành, thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh TBGSHT theo quy định của pháp luật.

3.2. Yêu cầu về ghi nhãn hàng hóa

3.2.1. Việc ghi nhãn hàng hóa phải thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Thông tư 05/2019/TT-BKHHCN ngày 26/06/2019 về quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017. Nhãn hàng hóa phải được dán, gắn, in hoặc đúc trực tiếp lên sản phẩm và bao bì thương phẩm ở vị trí dễ quan sát. Nhãn hàng hóa phải thể hiện các thông tin tối thiểu sau:

- Tên và số sê-ri hàng hóa (số sê-ri riêng biệt được in/dán bên ngoài vỏ hộp TBGSHT đảm bảo dễ dàng nhìn thấy bằng mắt thường sau khi lắp đặt. Số serial không bị mờ, bong tróc trong quá trình sử dụng);

- Tên và số điện thoại đơn vị sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa;

- Tháng, năm sản xuất;

- Điện áp sử dụng;

- Xuất xứ hàng hóa.

3.2.2. Dấu hợp quy được sử dụng để in trên bao bì, trong tài liệu kỹ thuật đi kèm và phải được gắn trên sản phẩm TBGSHT ở vị trí dễ quan sát. Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy được quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN. Dấu hợp quy phải được thiết kế, thể hiện cùng một màu, dễ nhận biết, không dễ tẩy xóa và không thể bóc ra gắn lại.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Thủ trưởng các tổ chức liên quan có trách nhiệm phổ biến Quy chuẩn này đến các đơn vị liên quan và các nhân viên dưới quyền để thực hiện;

4.2. TCTS chịu trách nhiệm quản lý hoạt động công bố hợp quy, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới./.